

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **160/2023/HSST**

Ngày: 05/09/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Đạt

2. Bà Chu Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Từ Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 157/2023/HSST ngày 22 tháng 08 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 08 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN HÀ NGỌC S, sinh năm 1989 tại Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện U, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Hà A và bà Nguyễn Thị Kim L; Có vợ là Nguyễn Thị Kim H và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam ngày 31/05/2023, hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 20/07/2023. Hiện bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu xây dựng M

Địa chỉ trụ sở: Số 92, ngõ 138, phố chợ K, phường T, quận Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn B - Chức vụ: Giám đốc Công ty

- Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hà Ngọc S là nhân viên kinh doanh của Cổ phần Thương mại Vật liệu xây dựng M theo Hợp đồng lao động ngày 15/08/2013 (trước đó, S đã làm việc tại Công ty nhưng chưa ký hợp đồng lao động). Công việc được giao của S là bán hàng và thu tiền của khách theo phiếu xuất kho và các chứng từ kế toán nộp về Công ty trước 18 giờ 30 hàng ngày. Từ ngày 14/05/2013 đến ngày 01/10/2013, S đã thu tiền của 22 khách hàng nhưng không nộp hết về Công ty mà giữ lại để chiếm đoạt 186.531.000 đồng. Ngày 10/10/2013, đại diện Công ty là anh Đỗ Văn B đã cùng S rà soát, đối chiếu công nợ, đồng thời yêu cầu S nộp lại số tiền trên cho Công ty nhưng S không thực hiện mà bỏ trốn khỏi địa phương.

Cụ thể số tiền S thu của các cửa hàng và chiếm đoạt như sau:

Cửa hàng C của ông Nguyễn Tổng T (sinh năm 1968, địa chỉ: Xóm 4, phường Đ, quận H, Hà Nội), S thu và chiếm đoạt 19.750.000 đồng;

Cửa hàng K, Trung tâm thương mại H của chị Đỗ Thị K (sinh năm 1973, địa chỉ: xã T, huyện P, Hà Nội), S thu và chiếm đoạt 17.090.000 đồng

Cửa hàng L thuộc Công ty TNHH Đầu tư thương mại L do bà Đỗ Thị Kim L (sinh năm 1963, hộ khẩu thường trú: 79, phường Q, thị xã S, Hà Nội) là kế toán trưởng, S thu và chiếm đoạt 46.225.000 đồng.

Cửa hàng H của anh Nguyễn Đăng Q (sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện T, Hà Nội), S thu và chiếm đoạt 16.450.000 đồng.

Cửa hàng T của bà Lê Thị P (sinh năm 1958, hộ khẩu thường trú: 57 phố P, phường Q, thị xã S, Hà Nội), thu và chiếm đoạt 15.000.000 đồng. Số tiền này S nhờ bà P chuyển vào tài khoản 711A1531722 ngân hàng Viettinbank của chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1985, HKTT: phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định) nên bà P đã chuyển 15.000.000 đồng từ tài khoản của ông Nguyễn Đăng T là chồng bà P sang tài khoản chị T. Sau khi nhận được tiền chị T đã trả ngay cho S.

Ngoài 5 cửa hàng trên, S còn thu và chiếm đoạt tổng số 72.016.000 đồng của 17 cửa hàng khác.

Quá trình điều tra, Cơ quan công an thu giữ các tài liệu sau:

Thu giữ của ông Đỗ Văn B 01 Biên bản xác nhận công nợ ngày 10/10/2013 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu xây dựng M và Nguyễn Hà Ngọc S và 01 phụ lục kèm theo

Thu giữ của ông Nguyễn Tổng T 04 phiếu giao hàng và 01 tờ giấy ghi thanh toán công nợ cho công ty có chữ ký xác nhận mang tên Nguyễn Hà Ngọc S (ký hiệu A1).

Thu giữ của chị Đỗ Thị K 02 phiếu giao hàng và 01 tờ giấy ghi thanh toán công nợ cho công ty có chữ ký xác nhận mang tên Nguyễn Hà Ngọc S (ký hiệu A2).

Thu giữ của anh Nguyễn Đăng Q 02 phiếu giao hàng và 01 tờ giấy ghi thanh toán công nợ cho công ty có chữ ký xác nhận mang tên Nguyễn Hà Ngọc S (ký hiệu A3),

Thu giữ của bà Đỗ Thị Kim L 05 phiếu giao hàng và 02 tờ giấy photo ghi thanh toán công nợ cho công ty có chữ ký xác nhận mang tên Nguyễn Hà Ngọc S (ký hiệu A3, A4).

Thu giữ của bà Lê Thị P 01 phiếu giao hàng và 01 tờ ủy nhiệm chi số 0115 ngày 10/9/2013 của ngân hàng BIDV ghi số tiền 15.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 1122/C54-P5 ngày 29/4/2014 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát PCTP kết luận: Chữ ký, chữ viết cần giám định trên các tài liệu ký hiệu A1, A2, A3, A4 với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Hà Ngọc S trên các tài liệu so sánh M1, M2 do cùng 1 người ký, viết ra.

Đối với số tiền S thu của 5 đại lý, cửa hàng nêu trên, ông B là đại diện Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu xây dựng M khai: Số tiền S xác nhận thu tại các đại lý, cửa hàng thể hiện trên các giấy ghi thanh toán công nợ giữa các đại lý, cửa hàng với Công ty nhiều hơn số tiền S chiếm đoạt của công ty do trong số tiền thu từ các đại lý, cửa hàng, S đã nộp lại một phần cho Công ty nhưng hiện Công ty đã làm thất lạc, không còn tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan điều tra. Ông B khẳng định số tiền S chiếm đoạt của Công ty M đúng như Biên bản xác nhận công nợ ngày 10/10/2013.

Đối với Nguyễn Hà Ngọc S, sau khi bị phát hiện và ký biên bản xác nhận số tiền đã chiếm đoạt với Công ty, S không khắc phục hậu quả mà bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 31/5/2023, Nguyễn Hà Ngọc S đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Xuân đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài số tiền 186.531.000 đồng chiếm đoạt của Công ty M, S còn vay của Công ty 35.990.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, S và gia đình đã bồi thường và hoàn trả cho Công ty M, đại diện Công ty là ông Đỗ Văn B đã nhận đầy đủ, Công ty không có yêu cầu gì khác về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho S.

Tại bản cáo trạng số 148/CT-VKSTX ngày 17 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân truy tố Nguyễn Hà Ngọc S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Nguyễn Hà Ngọc S 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về dân sự: Người bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét; Về vật chứng: Không có nên không xét.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo S giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là đúng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Về các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Xuân, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân thu thập; về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập, thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Trong thời gian từ ngày 14/05/2013 đến ngày 01/10/2013, lợi dụng công việc được giao là nhân viên kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu xây dựng M, có nhiệm vụ bán hàng cho khách và nhận tiền hàng do khách thanh toán nộp lại cho Công ty, Nguyễn Hà Ngọc S đã chiếm đoạt số tiền hàng là 186. 531.000 đồng do các đại lý, cửa hàng trả cho Công ty, sau đó không có khả năng trả lại tài sản mà bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Đối chiếu quy định của pháp luật, Nguyễn Hà Ngọc S đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

[3]. Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, làm mất trật tự trị an

xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, để đấu tranh phòng chống tội phạm, trong đó có tội xâm phạm sở hữu, góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ tháng 05 đến tháng 10/2013, S đã nhiều lần chiếm đoạt tiền hàng của Công ty Thương mại Vật liệu xây dựng M, giá trị tài sản mỗi lần chiếm đoạt trên 4.000.000 đồng nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Để cải tạo, giáo dục bị cáo và làm bài học răn đe người khác, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết: *Bị cáo phạm tội lần đầu, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo tự nguyện ra đầu thú* để giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội (cho hưởng án treo) cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, không thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6]. Về dân sự: Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu xây dựng M đã được bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Hà Ngọc S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52, khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[1]. Xử phạt: Nguyễn Hà Ngọc S 36(*ba mươi sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 60 (*sáu mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hà Ngọc S cho Ủy ban nhân dân xã xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng,
- VKSND Q. Thanh Xuân
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Thanh Xuân,
- Công an quận Thanh Xuân,
- TAND thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Diệu Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Diệu Thúy